

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/ HNGĐ-ST

Ngày 28/ 8 /2018

V/v: *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

2. Ông Lâm Hải Trung

***-Thứ ký phiên Tòa:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 208/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/ 2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 08/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1969 ( có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bình Thuận 1, xã Hòa N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Nh**, sinh năm 1971 (vắng mặt )

Địa chỉ: ấp Bình Thuận 1, xã Hòa N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn Nh quen biết nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới ra mắt họ hàng hai bên vào ngày 20/8/1986 âm lịch, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa hợp được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nh không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà hành hung đánh đập bà nhiều lần, bà đã cố gắng chịu đựng chung sống để nuôi con, nhưng thời gian gần đây ông Nh hành hung bà nhiều hơn, lấy chai bia đánh và hăm dọa chém giết bà. Nhận thấy không thể chung sống với ông Nh được nữa, nên bà đã ly thân từ tháng 2/2018. Nay bà yêu cầu giải quyết ly hôn ông Nh.

Về nuôi con chung: có 03 người con gồm Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 20/11/1993 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 08/4/2002. Cháu Th và cháu L đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Nguyễn Thanh T bà yêu cầu được nuôi, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Nh vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Vào ngày 12/7/2018 Tòa án tiến hành lấy lời khai cụ Nguyễn Văn Đ, địa chỉ ấp Bình Thuận 1, xã Hòa N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L là cha ruột của ông Nguyễn Văn Nh, cụ Đ khai : ông Nh và bà Ph trước đây có nhà ở trong phần đất của cụ. Ông Nh và bà Ph đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Cụ có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ gửi cho ông Nh. Sau khi nhận các thông báo gia đình có điện thoại cho ông Nh biết việc bà Ph yêu cầu ly hôn với ông Nh. Ông Nh có đến Tòa án huyện Long H để giải quyết hay không thì cụ không biết.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

***-Ý kiến của Kiểm sát viên:***

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều,195, 196, 197, 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà Ph có đơn xin xét xử vắng mặt được quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Đối với bị đơn Nguyễn Văn Nh không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn ông Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T cho bà Ph nuôi dưỡng, ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ phải thu và phải trả: không yêu cầu nên không xem xét

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: buộc nguyên đơn Nguyễn Thị Ph nộp 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về tố tụng:*

[1] Bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Văn Nh, nơi cư trú ấp Bình Thuận 1, xã Hòa N, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

*Về nội dung:*

[1] Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn Nh tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1986, hai người sống chung với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay không đăng lý kết hôn, nhưng làm phát sinh quan hệ vợ chồng vì hôn nhân của ông, bà được công nhận là hôn nhân thực tế theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Từ căn cứ trên xác định hôn nhân của bà Ph là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Ph không còn sống chung với ông Nh từ tháng 02/2018 cho đến nay.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ph, xét thấy:

Sau khi cưới được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Nh thường xuyên uống rượu về nhà hành hung đánh đập bà Ph nhiều lần, bà Ph đã cố gắng chịu đựng chung sống để nuôi con, nhưng thời gian gần đây ông Nh hành hung bà nhiều hơn, lấy chai bia đánh và hăm dọa chém giết bà. Bà Ph nhận thấy không thể chung sống với ông Nh được nữa nên ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ph và ông Nh là trầm trọng, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn ông Nh theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: có 03 người con gồm Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 20/11/1993 đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Còn Nguyễn Thanh T, sinh ngày 08/4/2002 có ý kiến nếu bà Ph và ông Nh ly hôn nguyện vọng của cháu được sống với bà Ph. Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà Ph tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của con, bà Ph không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Ph khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Ph phải chịu 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph. Cho bà Ph được ly hôn ông Nguyễn Văn Nh.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 08/4/2002 cho bà Nguyễn Thị Ph tiếp tục nuôi phù hợp với nguyện vọng của cháu Tài. Bà Ph không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Ông Nh có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

Đối với hai cháu Nguyễn Văn Th, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 20/11/1993 đã trưởng thành có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Ph khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001526 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà Ph đã nộp xong án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

-TANDT Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Thị Ánh Bình**